| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số:**16/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2025
"V/v: *ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**

**Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thuyết

Ông Đinh Quốc Minh

**Thư ký phiên tòa**: Bà Hoàng Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên.

**Đại diện VKSND khu vực 4 - tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa**: ông Lê Minh Cường - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2025/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị X - sinh năm 1979

Nơi thường trú: Xóm L, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên, nơi ở: Thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang

*2. Bị đơn:* Ông Tô Văn V - sinh năm 1989

Nơi thường trú: Xóm L, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người làm chứng: anh Ma Văn V1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang

*(Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các bản khai bà Đỗ Thị X trình bày*: Bà với ông Tô Văn V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) vào tháng 4 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại xóm L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xóm L, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) cho đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên xảy ra cãi vã nên bà đã cùng các con vào Bình Dương làm ăn, lần lượt năm 2017 và 2019 thì ông V vào Bình Dương đón 02 con chung về cho ăn học đồng thời cũng khuyên bảo để vợ chồng

đoàn tụ nuôi dậy con nhưng bà không nhất trí nên vợ chồng sống ly thân và không ai quan tâm đến ai từ năm 2019, đến nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông V.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Tô Văn V2, sinh ngày 17/5/2011 và Tô Văn N, sinh ngày 19/6/2015, cả 02 con chung đang ở với ông V. Khi ly hôn bà xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 2 con chung tuy nhiên trường hợp ông V đề nghị được nuôi con bà cũng nhất trí, việc cấp dưỡng nuôi con sẽ tự nguyện cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai ông V xác định:* Giữa ông và bà Đỗ Thị X có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) năm 2013 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã. Gia đình hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được, nay bà X có đơn yêu cầu xin ly hôn ông nhất trí.

Về con chung: thống nhất trình bày như bà X, trường  hợp khi giải quyết ly hôn, ông V đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 2 con chung và không yêu cầu bà X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: thống nhất trình bày như bà X trình bày.

Tại bản trình bày nguyện vọng của cháu Tô Văn V2, sinh ngày 17/5/2011 và Tô Văn N, sinh ngày 19/6/2015 đều xác định hiện nay đang ở với ông V, trường hợp bố mẹ giải quyết ly hôn các cháu đều có nguyện vọng ở với bố.

Quá trình làm việc tại Tòa án do bà X không biết chữ nên toàn bộ quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án có sự chứng kiến của anh Ma Văn V1, tại biên bản làm việc ngày 12/8/2025 anh V1 xác định: bà Đỗ Thị X là mẹ vợ anh, hiện nay bà X ở cùng vợ chồng anh, do bà X không biết chữ nên mọi thủ tục đơn từ đều do bà X đọc và nhờ vợ chồng anh viết hộ sau đó bà X ký tên và điểm chỉ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét theo giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị X. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Đỗ Thị X được ly hôn ông Tô Văn

V; Về con chung: Giao 02 con chung Tô Văn V2, sinh ngày 17/5/2011 và Tô Văn N, sinh ngày 19/6/2015 cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà X cho đến khi ông V có yêu cầu, bà X được quyền đi lại thăm nom con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Bà X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Tô Văn V, có nơi thường trú: xóm L, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V tuy nhiên ông V vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, căn cứ vào khoản 3 Điều 203, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà X, ông V.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét Bà Đỗ Thị X và ông Tô Văn V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ (nay là xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Qua lời khai của các đương sự có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy, giữa bà X và ông V đã có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, do đó xác định tình trạng hôn nhân của bà X và ông V trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên. Do vậy, chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà X được ly hôn với ông V là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Tô Văn V2, sinh ngày 17/5/2011 và Tô Văn N, sinh ngày 19/6/2015 bà X và ông V cùng đề nghị được nuôi con tuy nhiên trong trường hợp ông V đề nghị nuôi con bà X cũng nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy: hiện hai con chung đang sinh sống cùng với ông V, các con chung đều có nguyện vọng là được ở cùng bố, để đảm bảo điều kiện ăn ở, học tập, sinh hoạt hàng ngày cũng như ổn định cuộc sống của con chung đồng thời phù hợp với quan điểm của bà X, trong trường hợp ông V đề nghị nuôi con bà nhất trí do đó Hội đồng xét xử giao 02 con chung là Tô Văn V2, sinh ngày 17/5/2011 và Tô Văn N, sinh ngày 19/6/2015 cho ông Tô Văn V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

là đảm bảo được quyền lợi mọi mặt cho các con, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Người không trực tiếp nuôi con được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con và thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi người trực tiếp nuôi con có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: bà X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị X

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đỗ Thị X được ly hôn ông Tô Văn V.

2. Về con chung: Bà X và ông V có 02 con chung là Tô Văn V2, sinh ngày 17/5/2011 và Tô Văn N, sinh ngày 19/6/2015

2.1 Giao 02 (hai) con chung là Tô Văn V2, sinh ngày 17/5/2011 và Tô Văn N, sinh ngày 19/6/2015 cho ông Tô Văn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật

2.2 Bà Đỗ Thị X được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con và thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối bà Đỗ Thị X cho đến khi ông Tô Văn V có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu, hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị X phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000338 ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

5.Trường hợp quyết  định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: bà Đỗ Thị X và ông Tô Văn V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4 – Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Định Hóa;
- Lưu: HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Chu Thị Bích Hiền**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Minh L**